

\*

Số 395-BC/TU

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 9 năm 2023

**BÁO CÁO**

**Sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

-----

Theo đề nghị của của Ban Kinh tế Trung ương tại Công văn số 3718-CV/BKTTW ngày 01/8/2023 về việc sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 11-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi báo cáo kết quả như sau:

**PHẦN I****TÌNH HÌNH HỌC TẬP, QUẢN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN NGHỊ QUYẾT VÀ TÌNH HÌNH THỂ CHẾ HÓA NGHỊ QUYẾT SỐ 11-NQ/TW****I. Tình hình học tập, quán triệt và tuyên truyền Nghị quyết số 11-NQ/TW****1. Quá trình tổ chức học tập, quán triệt và tuyên truyền****1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo học tập, quán triệt**

Căn cứ Hướng dẫn số 36-HD/BTGTW ngày 12/6/2017 của Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch số 88-KH/TU ngày 06/7/2017 về việc học tập, quán triệt và triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII; trong đó, có Nghị quyết số 11-NQ/TW. Trên cơ sở đó, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã ban hành Hướng dẫn số 53-HD/BTGTU ngày 18/7/2017 để hướng dẫn và định hướng tuyên truyền, phổ biến trong toàn thể cán bộ, đảng viên, các tầng lớp Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh về những nội dung mới của Nghị quyết Trung ương 5; các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã xây dựng kế hoạch học tập, quán triệt, tuyên truyền ở cấp mình, đồng thời, chỉ đạo, hướng dẫn cấp ủy cơ sở triển khai thực hiện.

**1.2. Về tổ chức học tập, quán triệt**

- Về hình thức tổ chức Hội nghị: Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức điểm cầu tại Hội trường Tỉnh ủy để tiếp thu nội dung Hội nghị toàn quốc học tập, quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XII của Đảng bằng hình thức trực tuyến<sup>1</sup>.

- Số lượng tham gia học tập, quán triệt: Toàn tỉnh đã mở được 634 lớp, với 68.892 lượt người dự học, đạt tỷ lệ 94,4% so với số lượng triệu tập. Trong đó,

<sup>1</sup> Do điều kiện khách quan về kỹ thuật, tỉnh không mở rộng việc học trực tuyến đến cấp huyện và cấp xã. Vì vậy, Tỉnh đã chỉ đạo ghi hình và thu âm nội dung các chuyên đề của Hội nghị thành file và gửi cấp ủy cấp huyện (trương đương) và cơ sở làm tài liệu để nghiên cứu, tổ chức học tập, quán triệt.

Đảng viên là 48.153 lượt đồng chí tham gia; quần chúng có 20.739 lượt người tham gia. Tại các hội nghị học tập, quán triệt Nghị quyết, có gần 2.000 lượt ý kiến của cán bộ, đảng viên phát biểu tham gia xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5. Sau Hội nghị, có hơn 31.750 bài thu hoạch được tổng hợp.

### ***1.3. Kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến***

Thông qua Hội nghị Báo cáo viên, giao ban báo chí định kỳ hàng tháng, Tỉnh Quảng Ngãi thường xuyên lồng ghép thông tin, định hướng nội dung tuyên truyền liên quan đến Nghị quyết số 11-NQ/TW. Qua đó, làm cơ sở để đội ngũ cán bộ tuyên giáo, tuyên huấn và báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp trong tỉnh thông tin, tuyên truyền đến hội viên Câu lạc bộ Lê Trung Đình, Câu lạc bộ thông tin thời sự các huyện, thị, thành phố, Câu lạc bộ Tủ yêu nước, Câu lạc bộ Thư viện tỉnh, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân ở cơ sở; các cơ quan thông tấn báo chí đăng tải hàng ngàn lượt tin, bài, hình ảnh trên các chuyên trang, chuyên mục nhằm khẳng định vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy thường xuyên đăng tải các tin, bài liên quan đến Nghị quyết số 11-NQ/TW trong Bản tin Thông báo nội bộ, Cổng Thông tin Điện tử Đảng bộ tỉnh, fanpage,...; hướng dẫn, chỉ đạo Trường Chính trị tỉnh, Trung tâm chính trị cấp huyện lồng ghép, đưa nội dung mới, cốt lõi của Nghị quyết số 11-NQ/TW vào tài liệu, chương trình giảng dạy của đơn vị mình.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh đã phổ biến cho cán bộ, đoàn viên, hội viên cấp mình; đồng thời, hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp dưới tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết đến hội viên, đoàn thể với nhiều hình thức đa dạng, phong phú thông qua các buổi sinh hoạt, họp khu dân cư,...

Các địa phương trong tỉnh thường xuyên chỉ đạo, định hướng hệ thống truyền thanh cấp huyện và cơ sở, các trang tin điện tử, fanpage,... đăng tải hàng nghìn tin, bài liên quan đến Nghị quyết số 11-NQ/TW để thông tin đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân của địa phương, đơn vị mình.

## **2. Những kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 11-NQ/TW được Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy quan tâm, kịp thời ban hành kế hoạch học tập, quán triệt tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đa số cán bộ, đảng viên có tinh thần trách nhiệm trong học tập, nhận thức tương đối đầy đủ nội dung của Nghị quyết số 11-NQ/TW, gắn việc liên hệ trách nhiệm cá nhân trong bài thu hoạch và kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với nhiệm vụ được giao. Công tác thông tin, tuyên truyền được chú trọng, tạo được hiệu quả cao, đưa Nghị quyết trở thành đợt sinh hoạt chính trị trong cán bộ, đảng viên, Nhân dân và trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường,

kip thời uốn nắn, khắc phục những hạn chế, nâng cao chất lượng học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng.

Tuy nhiên, do nội dung Nghị quyết số 11-NQ/TW khá dài, có nhiều thuật ngữ chuyên môn,... nên đối với đảng viên khu vực nông thôn, miền núi rất khó khăn trong quá trình tiếp thu; chất lượng học tập, quán triệt Nghị quyết ở một số cấp ủy cơ sở chưa được nâng cao; một số bài thu hoạch nội dung còn sao chép, thiếu đầu tư nghiên cứu, liên hệ trách nhiệm cá nhân chưa gắn với chức trách, nhiệm vụ được phân công; công tác tuyên truyền ở một số nơi chưa sâu rộng đến các tầng lớp Nhân dân,...

## **II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW**

### **1. Việc xây dựng và ban hành kế hoạch hành động**

Sau khi Ban Bí thư ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TW, Ban Tuyên giáo Trung ương có Hướng dẫn số 36-HD/BTGTW, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ban hành Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 29/8/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Kế hoạch số 6229/KH-UBND ngày 10/10/2017 thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ và Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 29/6/2017 của Tỉnh ủy; trong đó, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo lộ trình đã đề ra tại Nghị quyết số 11-NQ/TW. Đồng thời, thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 18/9/2013 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng quán triệt phổ biến Chỉ thị số 29-CT/TW đến cán bộ chủ chốt của tỉnh. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Sở Lao động - Thương và Xã hội, Liên đoàn Lao động tỉnh và các ngành liên quan kịp thời tham mưu xây dựng kế hoạch tổ chức quán triệt Chỉ thị số 29-CT/TW cho cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy lồng ghép quán triệt nội dung Chỉ thị số 29-CT/TW tại các hội nghị cấp ủy mở rộng; các chi, đảng bộ cơ sở lồng ghép quán triệt, phổ biến Chỉ thị số 29-CT/TW trong các buổi sinh hoạt chi bộ.

### **2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy**

Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 11-NQ/TW, Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ, Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 29/6/2017 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 6229/KH-UBND ngày 10/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh ban hành chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

## **PHẦN II**

### **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 11-NQ/TW**

#### **I. Kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu**

**1. Mục tiêu phấn đấu một bước đồng bộ hơn hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo các chuẩn mực phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập kinh tế quốc tế:** Tổ chức thực hiện và phối hợp thực hiện tốt các thể chế phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; đảm bảo tất cả các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh theo quy định của pháp luật. Tạo môi trường thông thoáng, cạnh tranh bình đẳng, thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư phát triển hiệu quả trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

**2. Mục tiêu tính đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, giữa Nhà nước và thị trường:** Tổ chức thực hiện và phối hợp thực hiện tốt mục tiêu tính đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, giữa Nhà nước và thị trường phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và quy định của pháp luật.

**3. Kết quả thực hiện về sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững**

Tăng trưởng kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi cơ bản giữ mức ổn định; kinh tế Nhà nước chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thu nộp ngân sách Nhà nước trên địa bàn. Chú trọng, tập trung xúc tiến, thu hút đầu tư những ngành nghề, lĩnh vực phù hợp với lợi thế cạnh tranh của địa phương, không thu hút đầu tư phát triển bằng mọi giá; cương quyết từ chối các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm cao, các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều nhiên liệu, nguyên vật liệu, gây ô nhiễm môi trường. Đồng thời, tích cực hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp giải quyết các vướng mắc trong công tác bảo vệ môi trường.

Bên cạnh phát triển kinh tế, tỉnh cũng luôn quan tâm, chú trọng đến phát triển văn hoá, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Đã huy động sự tham gia tích cực, hiệu quả của cả hệ thống chính trị, các tầng lớp Nhân dân, cộng đồng xã hội thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

**4. Tính chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ:** Tỉnh Quảng Ngãi nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đặc biệt là thu hút các ngành nghề, lĩnh vực đầu tư có lợi thế cạnh tranh. Tính từ tháng 6/2017 đến tháng 6/2023 đã thu hút được 38 dự án FDI, với tổng vốn đăng ký đầu tư đạt 1.159,11 triệu USD (*tương đương 26.770 tỷ đồng*); qua đó, đã có sự thúc đẩy liên kết, hỗ trợ doanh nghiệp trong tỉnh cùng với doanh nghiệp trong cả nước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, phù hợp với định hướng hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh.

### **5. Đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện mục tiêu đến năm 2030**

Tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức và phối hợp với Trung ương thực hiện tốt các nhiệm vụ về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo các chuẩn mực phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập kinh tế quốc tế; đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, giữa Nhà nước và thị

trường. Đồng thời, Tỉnh cũng chú trọng phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hoá, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, đặc biệt là thu hút các ngành nghề, lĩnh vực đầu tư có lợi thế cạnh tranh,...

Trong thời gian đến, tập trung, tiếp tục phối hợp thực hiện thành công mục tiêu đến năm 2030: “*Hoàn thiện đồng bộ và vận hành có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta*”.

## **II. Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp**

### **1. Hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp**

#### ***1.1. Thực hiện và hoàn thiện thể chế về sở hữu***

- *Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật*: Được triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú, đa dạng; văn bản quy phạm pháp luật ban hành đảm bảo tính khả thi, công khai, minh bạch, ổn định và đúng quy định của pháp luật góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trên địa bàn tỉnh. Triển khai, thực hiện nghiêm túc việc niêm yết thủ tục hành chính để bảo đảm công khai, minh bạch các thông tin, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận, thực hiện và giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước.

- *Thực hiện và hoàn thiện pháp luật về đất đai, tài nguyên*

+ *Về lĩnh vực đất đai*: Từ năm 2017 đến nay, đã ban hành 06 văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai và 08 văn bản quy định về công tác bồi thường hỗ trợ tái định cư<sup>2</sup>; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 19/5/2022 về tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất ven biển, Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 09/5/2023 về tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất của tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh.

+ *Về lĩnh vực khoáng sản*: Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (*Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 09/8/2017*); điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (*Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 02/4/2021; Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 và Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 27/7/2022*). Xây dựng Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản (*trừ khoáng sản*

<sup>2</sup> (1) Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 (hết hiệu lực); (2) Quyết định số 73/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 (hết hiệu lực); (3) Quyết định số 79/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 (hết hiệu lực); (4) Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 (hết hiệu lực); (5) Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 27/9/2019; (6) Quyết định số 68/2021/QĐ-UBND ngày 22/11/2021; (7) Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021; (8) Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 27/4/2023.

*làm vật liệu xây dựng*) thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đã được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

Thực hiện Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 của Chính phủ, Tỉnh Quảng Ngãi đã công bố danh sách các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (*mỏ đất, đá và mỏ cát*) để chuẩn bị thi công dự án đường cao tốc Bắc - Nam phía đông, đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; tổ chức thành công đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa có kết quả thăm dò đối với 14 mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; chỉ đạo tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; kiểm tra, chấn chỉnh tình trạng khai thác cát, sỏi lòng sông trái phép trên địa bàn tỉnh.

+ *Về tài nguyên nước*: Trên cơ sở Luật Tài nguyên nước và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 03 Quyết định<sup>3</sup> liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên nước; triển khai thực hiện Quan trắc nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ Dự án “*Tăng cường năng lực quy hoạch và điều tra nước ngầm tại các đô thị Việt Nam (IGPVN)*”; Quan trắc nước dưới đất trên địa bàn huyện Lý Sơn từ kết quả của nhiệm vụ “*Khoan giếng phục vụ quan trắc, kiểm soát trữ lượng, chất lượng nước dưới đất trên địa bàn huyện Lý Sơn*”.

Xây dựng Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đã tích hợp vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ *Lĩnh vực Biển và Hải đảo*: Nhằm quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên biển, đảo, tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển; công bố Đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm trên địa bàn; phê duyệt Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển và quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển; Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính phủ về phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- *Về thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh*: Tỉnh Quảng Ngãi đã có 07/13 huyện, thị xã, thành phố<sup>4</sup> tổ chức triển khai thực hiện công tác dồn điền đổi thửa, đạt tỷ lệ 53,8%, gồm 69 xã thực hiện trên khoảng 263 cánh đồng, diện tích khoảng 7.609 ha, chủ yếu trên diện tích đất trồng lúa. Việc dồn điền, đổi thửa đã có tác động tích cực đến sản xuất trồng trọt, khắc phục được tình trạng manh mún ruộng đất, số thửa đất bình quân/hộ đã giảm từ 50 - 60% (*từ 03 - 04 thửa/hộ giảm còn 01 - 02 thửa/hộ*), việc tổ

<sup>3</sup> (1) Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; (2) Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 phê duyệt Danh mục các vùng hạn chế và vùng cho phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; (3) Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nhằm quản lý chặt chẽ việc khai thác nước ngầm ở khu vực có nguy cơ xâm nhập mặn, sụt lún đất; bảo vệ nguồn nước; bảo vệ và phát triển bền vững nguồn sinh thủy, các hệ sinh thái ngập nước quan trọng và phòng chống ngập úng trên địa bàn tỉnh.

<sup>4</sup> Các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, thị xã Đức Phổ, thành phố Quảng Ngãi.

chức sản xuất, gieo trồng trên thửa đất mới thuận lợi, nhanh chóng, tạo động lực thúc đẩy cơ giới hóa; giảm được các chi phí nhân công, như công làm đất, phòng trừ sâu bệnh, công thu hoạch sản phẩm, hiệu quả về kinh tế tăng khá rõ rệt so với trước đây, ước tính tăng khoảng trên 30 - 40% giá trị. Để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương “*dồn điền đổi thửa*”, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 quy định chính sách hỗ trợ thực hiện chủ trương “*dồn điền đổi thửa*” đối với đất nông nghiệp trồng cây hằng năm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2023 - 2025 và những năm tiếp theo.

- *Về hoàn thiện pháp luật quản lý và sử dụng tài sản công*: Tỉnh đã ban hành các văn bản quy định trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền việc quản lý, sử dụng tài sản công cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tạo tính chủ động trong quản lý, khai thác, sử dụng tài sản công nhằm phát huy hiệu quả, công khai, minh bạch.

- *Về công tác quản lý nhà sở hữu Nhà nước*: Hiện nay, quỹ nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước được chuyên giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và để công tác quản lý nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước được chặt chẽ, hợp lý đảm bảo đúng quy định, gắn với trách nhiệm của nhiều đơn vị, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 thành lập Tổ công tác liên ngành giải quyết những vướng mắc nhà thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh; đồng thời, ban hành Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 16/3/2022 thực hiện nhiệm vụ của Tổ công tác liên ngành, cụ thể: Đã tổ chức rà soát, sao lục các hồ sơ, tài liệu liên quan; đo vẽ hiện trạng, trích đo bản đồ địa chính thửa đất; xác lập hồ sơ các ngôi nhà thuộc sở hữu Nhà nước. Đến thời điểm hiện tại, tổng quỹ nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn là 49 ngôi nhà đang cho thuê và 04 khu tập thể (*có 55 căn hiện các hộ dân đang sử dụng*).

- *Về hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ*: Công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được tăng cường. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xác lập quyền sở hữu trí tuệ. Các địa phương, tổ chức, doanh nghiệp đã quan tâm đến việc xây dựng nhãn mác hàng hóa, tạo lập thương hiệu cho sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ. Tổ chức nhiều Hội nghị đổi mới công nghệ hướng đến cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

## ***1.2. Hoàn thiện thể chế phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp***

- Tỉnh Quảng Ngãi tổ chức thực hiện nhất quán một chế độ pháp lý kinh doanh cho các doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu, thành phần kinh tế theo Quy định của Luật Doanh nghiệp. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020.

Tổ chức triển khai thực hiện Kết luận số 17-KL/TU ngày 19/4/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3 khóa XIX về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020 và Kết luận số 298-KL/TU ngày 13/4/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần

thứ 3, khóa XX về tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ.

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP; Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Tỉnh đã phê duyệt Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025 tại Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 30/12/2021.

*- Về đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính*

+ Giai đoạn 2017 - 2020: Việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC) được thường xuyên quan tâm chỉ đạo. Các cơ quan, đơn vị, địa phương hằng năm xây dựng kế hoạch rà soát cụ thể phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị, gắn với mục tiêu cắt giảm tối thiểu 10% chi phí tuân thủ TTHC mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện TTHC và phần đầu rút ngắn 30% thời gian giải quyết TTHC so với khung thời gian quy định chung của Trung ương. Qua rà soát, đã phê duyệt danh mục TTHC được rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 - 60% so với quy định pháp luật đối với 245 TTHC trong 27 lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của 08 cơ quan, đơn vị<sup>5</sup>; rút ngắn thời gian giải quyết đối với một số thủ tục thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Công an tỉnh<sup>6</sup>.

Đã ban hành các quyết định công bố TTHC, danh mục TTHC mới ban hành, TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của 18 sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và một số cơ quan hoạt động trên địa bàn cấp huyện của tỉnh; hoàn thành việc công bố chuẩn hóa lại TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh<sup>7</sup>. Đồng thời, kết nối dữ liệu các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị vào hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và đăng tải công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Các cơ quan, đơn vị có tiếp nhận, trả kết quả TTHC đều thực hiện niêm yết, công khai, minh bạch bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Công tác cải cách hành chính của tỉnh thời gian qua đã đạt được một số kết quả trên tất cả các lĩnh vực: Thể chế, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, chế độ công vụ, tài chính công, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền

<sup>5</sup> Các Sở: Thông tin và Truyền thông, Công Thương, Xây dựng, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội.

<sup>6</sup> Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự (từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc); thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự (từ 04 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc).

<sup>7</sup> Đã công bố 1.544 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của các sở, ban ngành; 295 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và 120 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết UBND cấp xã.



số; kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường,... đã góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp.

+ Cải cách tài chính công đã đạt được kết quả tích cực; công tác quản lý tài chính, ngân sách có nhiều chuyển biến rõ nét; việc giám sát chi tiêu bằng quy chế chi tiêu nội bộ đã có nhiều chuyển biến tích cực, làm tăng tính hiệu quả của chi tiêu công, hạn chế tham nhũng, lãng phí trong sử dụng ngân sách Nhà nước, góp phần tăng cường kỷ luật tài chính, từng bước tăng tính minh bạch trong thực hiện ngân sách. Các thủ tục cấp phát ngân sách được đơn giản hóa; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tài chính được tăng cường.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước được triển khai một cách đồng bộ, theo hướng “Chính quyền điện tử”, nổi bật là mô hình Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh, Bộ phận một cửa hiện đại cấp huyện, cấp xã. Đặc biệt, giai đoạn 2021 - 2022, với sự quyết tâm, chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả của lãnh đạo tỉnh, cùng với sự triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, có trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương nên về cơ bản đã khắc phục được những hạn chế lâu nay trong cải cách hành chính. Điều đó, thể hiện rõ qua kết quả tăng hạng đáng kể của các Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS) so với năm 2020, cụ thể:

TT	Chỉ số	Kết quả xếp hạng/63 tỉnh thành phố		
		Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
01	Chỉ số PCI	36	45	33
02	Chỉ số PAPI	60	43	23
03	Chỉ số PAR INDEX	63	39	27
04	Chỉ số SIPAS	59	53	49

- *Thực hiện đổi mới, sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước*

+ Doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa (Công ty TNHH MTV Đầu tư, Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi - QISC): Ngày 15/8/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020, trong đó có Công ty QISC; trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 phê duyệt phương án sử dụng đất để cổ phần hóa đối với QISC. Tuy nhiên, để việc xác định giá trị doanh nghiệp đảm bảo tính chính xác và hoàn thành công tác cổ phần hóa QISC theo đúng quy định, tránh thất thoát ngân sách nhà nước, đã có Công văn số 4338/UBND-KT ngày 27/8/2021 và Báo cáo số 144/BC-UBND ngày 13/9/2021 trình Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, chuyển việc thực hiện cổ phần hóa QISC thành công ty cổ phần thuộc Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp giai

đoạn 2021 - 2025. Đến ngày 29/11/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1479/QĐ-TTg phê duyệt kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025; theo đó, QISC thuộc danh mục thực hiện cổ phần hóa giai đoạn 2022 - 2025. Hiện nay, tỉnh Quảng Ngãi đang chỉ đạo các sở, ban, ngành có liên quan đề xuất phương án xử lý theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

+ *Doanh nghiệp có vốn Nhà nước thuộc tỉnh quản lý thực hiện thoái vốn*

(1) Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi: Đã hoàn thành công tác chuyển giao về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước trong Quý I/2018.

(2) Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ngãi: Đã hoàn thành công tác chuyển giao về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước trong Quý II/2018.

(3) Đối với Công ty Cổ phần Thanh niên xung phong Quảng Ngãi: Tại Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ nêu trên, Công ty Cổ phần Thanh niên xung phong Quảng Ngãi thuộc danh mục thực hiện thoái vốn nhà nước hoàn thành trong giai đoạn 2024 - 2025. Vì vậy, ngày 14/3/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 334/QĐ-UBND phê duyệt dự toán chi phí thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Thanh niên xung phong Quảng Ngãi. Hiện nay, tỉnh đang thực hiện các bước công việc để lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Thanh niên xung phong Quảng Ngãi đảm bảo thời gian theo quy định.

(4) Đối với Công ty Cổ phần Sơn Mỹ Quảng Ngãi: Công ty Cổ phần Sơn Mỹ Quảng Ngãi có giá trị vốn nhà nước nhỏ (112 triệu đồng) nên gặp khó khăn trong công tác thoái vốn: Không có đơn vị tư vấn đăng ký thực hiện tư vấn xác định giá khởi điểm và phương án thoái vốn, chi phí thực hiện thoái vốn lớn hơn số tiền thu được từ thoái vốn. Vì vậy, để thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Sơn Mỹ Quảng Ngãi theo đúng quy định, tỉnh Quảng Ngãi đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép căn cứ giá trị sổ sách kế toán để thực hiện chào bán công khai đối với việc thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Sơn Mỹ Quảng Ngãi tại Công văn số 1946/UBND-KT ngày 07/5/2021. Đến ngày 06/8/2021, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 5368/VPCP-DMDN về việc thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Sơn Mỹ Quảng Ngãi; theo đó, giao Bộ Tài chính có ý kiến về việc thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Sơn Mỹ Quảng Ngãi. Tại Công văn số 9398/BTC-TCDN ngày 17/8/2021 và Công văn số 6057/BTC-TCDN ngày 08/6/2021, Bộ Tài chính đã có ý kiến về việc thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Sơn Mỹ Quảng Ngãi.

Tuy nhiên, đến ngày 29/11/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1479/QĐ-TTg nêu trên; theo đó, Công ty Cổ phần Sơn Mỹ Quảng Ngãi thuộc danh mục thực hiện thoái vốn nhà nước hoàn thành trong giai đoạn 2024 - 2025. Vì vậy, tỉnh Quảng Ngãi đang chỉ đạo thực hiện việc thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Sơn Mỹ Quảng Ngãi đảm bảo thời gian theo quy định.

+ Đối với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân:

Ngày 22/10/2021, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân đề nghị phê duyệt Phương án sắp xếp đổi mới Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân theo hình thức giải thể theo Công văn số 1790/TTg-ĐMDN ngày 09/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ<sup>8</sup>. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện các thủ tục giải thể gặp một số vướng mắc: Công ty kinh doanh không hiệu quả, thua lỗ và mất khả năng thanh toán các khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán; vì vậy, tỉnh Quảng Ngãi có văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh từ hình thức giải thể sang hình thức phá sản.

Hiện tại, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân chưa thực hiện giải thể theo Công văn số 1790/TTg-ĐMDN ngày 09/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Lý do: Vì không có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác như đã nêu ở trên, mặc dù, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã có Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 24/02/2017, Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 07/5/2018 xin điều chỉnh nội dung điểm 3, Công văn số 1790/TTg-ĐMDN ngày 09/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ và có các Công văn số 6275/UBND-NNTN ngày 03/11/2016, Công văn số 3661/UBND-NNTN ngày 20/6/2017, Công văn số 6827/UBND-NNTN ngày 03/11/2017, Công văn số 708/UBND-NNTN ngày 02/2/2018 và Báo cáo số 4606/BC-SNNPTNT ngày 15/12/2022 gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh từ hình thức giải thể sang hình thức thực hiện thủ tục phá sản đối với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân Quảng Ngãi.

*- Thực hiện đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCCL)*

Tỉnh đã Báo cáo sơ kết thực hiện Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCCL trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2025 theo Kết luận số 184-KL/TU ngày 11/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đề xuất dừng thực hiện Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCCL trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2025 theo Kết luận số 184-KL/TU ngày 11/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để thực hiện rà soát, xây dựng lại Phương án tự chủ tài chính cho các ĐVSNCCL theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

Triển khai Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCCL<sup>9</sup>, Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ về phương án phân loại tự chủ tài chính của ĐVSNCCL trong năm 2022, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 26/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCCL, xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể ĐVSNCCL; Tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện rà soát và xây dựng phương án tự chủ tài chính của ĐVSNCCL theo quy định, kết quả thực hiện đến nay như sau:

<sup>8</sup> Công văn số 1790/TTg-ĐMDN ngày 09/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp thuộc UBND tỉnh Quảng Ngãi.

<sup>9</sup> UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 17/6/2022.

+ Đã hoàn thành việc giao quyền tự chủ tài chính cho 699 đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn toàn tỉnh.

+ Về phân loại mức độ tự chủ: Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên (nhóm 1) là 10 đơn vị; đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2) là 41 đơn vị; đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (nhóm 3) là 57 đơn vị; đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 4) là 591 đơn vị.

Tổng số biên chế sự nghiệp trong các ĐVSNCL khối Nhà nước giai đoạn 2016 - 2021 đã giảm 2.841 biên chế (*năm 2015 giao 26.129 biên chế, năm 2021 giao 23.288 biên chế*), tương ứng 10,87% so với năm 2015. Căn cứ Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026, thì tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục giảm ít nhất 9,13% biên chế được giao so với năm 2022. Tại Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị và Quyết định số 59-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách cho tỉnh giai đoạn 2022 - 2026 là 20.959 biên chế, giảm 2.329 biên chế so với biên chế giao năm 2022, chiếm tỷ lệ 10% (*vượt 0,87%*).

*- Về thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương về phát triển kinh tế tập thể*

Tiếp tục khẳng định vai trò của kinh tế tập thể, kinh tế trang trại, kinh tế hộ trong giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho thành viên và người lao động; đến nay, toàn tỉnh có 239 hợp tác xã (HTX), 25 tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp. Trong thời gian qua, từ nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu Quốc gia; Chương trình Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư,... đã thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, như: Thực hiện bồi dưỡng nguồn nhân lực gần 3.600 triệu đồng cho trên 2.800 lượt người<sup>10</sup>; hỗ trợ cho lĩnh vực kinh tế tập thể gần 1,5 tỷ đồng để thực hiện các nội dung củng cố, tổ chức lại HTX, tập huấn nâng cao năng lực cho HTX<sup>11</sup>; thực hiện hỗ trợ các dây chuyền, thiết bị đồng bộ sản xuất cho các HTX với tổng kinh phí 974 triệu đồng; đã thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển HTX nhằm mục đích trợ giúp HTX, thành viên HTX có vốn để hoạt động và phát triển sản xuất kinh doanh; hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng với tổng kinh phí 60.883,944 triệu đồng cho 33 HTX nông nghiệp,...

*- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư tư nhân và bảo đảm hoạt động của kinh tế tư nhân theo cơ chế thị trường*

+ Về phát triển khu vực kinh tế tư nhân: Từ tháng 6/2017 đến tháng 6/2023, toàn tỉnh có 4.435 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới; ngoài ra, còn có 463 chi nhánh, 202 văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đăng ký hoạt động. Lũy kế đến hiện tại, tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh

<sup>10</sup> Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 17/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

<sup>11</sup> Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

là 8.569 doanh nghiệp, thu hút khoảng 173.432 lao động. Kinh tế cá thể phát triển nhanh chóng, đến nay toàn tỉnh có trên 21.039 hộ kinh doanh.

+ Về đầu tư trong nước: Trong giai đoạn 2017 đến nay, toàn tỉnh đã cấp phép đầu tư cho 360 dự án, tổng vốn đầu tư 252.199 tỷ đồng, diện tích sử dụng đất 4.341 hecta. Đến nay, có 166 dự án đã hoạt động, 179 dự án đang triển khai đầu tư, 15 dự án đang tạm dừng.

+ Về đầu tư nước ngoài (FDI): Trong giai đoạn 2017 đến nay, toàn tỉnh cấp phép đầu tư cho 38 dự án FDI, với tổng vốn đầu tư 1.159,11 triệu USD (*trương đương 26.770 tỷ đồng*). Đến nay, có 24 dự án đang hoạt động, 14 dự án đang triển khai đầu tư.

+ Về lĩnh vực hoạt động, các doanh nghiệp đã có bước chuyển đổi cơ cấu ngành nghề kinh doanh, từ việc đăng ký và hoạt động các ngành nghề đơn thuần trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và dịch vụ chế biến quy mô nhỏ, đến nay đã phát triển thêm nhiều ngành nghề trong nhiều lĩnh vực mới có tính liên kết cao, như: Giáo dục, bảo hiểm, dịch vụ tài chính, năng lượng điện,... Đặc biệt, có nhiều doanh nghiệp đầu tư thay đổi dây chuyền công nghệ, tổ chức sản xuất khép kín, tạo ra các sản phẩm có chất lượng, hiệu quả kinh tế cao.

## **2. Hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường**

### **2.1. Thực hiện và hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường**

- Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường và các biện pháp điều tiết cung cầu, giá cả,... góp phần ổn định, cân bằng thị trường, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, cụ thể:

Để đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước, tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành các Chương trình Xúc tiến thương mại, Thương mại điện tử, gắn với thực hiện Đề án phát triển thị trường trong nước, cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”; tổ chức các hoạt động kết nối cung - cầu đẩy mạnh lưu thông hàng hóa, giao thương, liên kết với các vùng miền trong cả nước, góp phần thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp quảng bá, giới thiệu hình ảnh, sản phẩm, dịch vụ đến các đối tác và mua - bán hàng hóa với nhiều hình thức khác nhau.

Đối với thị trường nước ngoài, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động phát triển thị trường, xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm phát triển ngoại thương của tỉnh Quảng Ngãi; qua đó, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh, ngoài tỉnh và quốc tế để tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, tham gia các Hội chợ triển lãm quốc tế trong và ngoài nước<sup>12</sup>. Thông qua các hoạt động kết nối giao

<sup>12</sup> Như: “Việt Nam - Đối tác kinh doanh tin cậy và giàu tiềm năng” trong khuôn khổ APEC CEO Summit 2017 tại Đà Nẵng; Hội nghị giao thương trực tuyến thực phẩm và thủy sản năm 2022 (Việt Nam - Nhật Bản; Việt Nam -

thương tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mở rộng cơ hội hợp tác giao thương, thúc đẩy thương mại dịch vụ và kêu gọi thu hút đầu tư. Đến nay, có một số tập đoàn lớn đã trực tiếp đến đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh, như: Tập đoàn Vina Group (*hệ thống Siêu thị Big C*); Liên Hiệp HTX Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Co.op); Tập đoàn VinGroup (*dự án Trung tâm thương mại và Nhà phố Shophouse*).

Trong thời gian phòng, chống dịch bệnh Covid-19, bám sát các nội dung chỉ đạo của Trung ương, tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo xây dựng các chương trình, kế hoạch bình ổn thị trường trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh, như: Kế hoạch dự trữ hàng hóa phòng, chống thiên tai hằng năm; Kế hoạch cung ứng hàng hóa thiết yếu theo các cấp độ dịch bệnh tại các khu vực cách ly Nhân dân trên địa bàn tỉnh ứng phó với dịch Covid-19 gây ra; đồng thời, tổ chức các hoạt động kết nối, kêu gọi, vận động giải cứu các mặt hàng nông sản, thủy sản,...

- *Hoàn thiện quy định về phí, lệ phí*: Ban hành các Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM); phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện các TTHC thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh.

- Thực thi có hiệu quả các quy định công khai, minh bạch trong tiếp cận các nguồn lực công, mua sắm và đầu tư công: Việc mua sắm tài sản công được thực hiện đấu thầu công khai, minh bạch; những danh mục tài sản thuộc danh mục tài sản mua sắm theo phương thức tập trung được thực hiện nghiêm túc.

- Tổ chức thực hiện nghiêm các nội dung quy định của Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019, Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và các quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; theo đó, đã đảm bảo phân bổ nguồn lực đầu tư công theo cơ chế thị trường và những ngành, lĩnh vực và địa bàn đạt hiệu quả cao, có tác động lan tỏa.

- *Về cơ chế, chính sách bảo vệ người tiêu dùng, phát huy đúng đắn, đầy đủ vai trò của người tiêu dùng*: Triển khai thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 22/01/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng<sup>13</sup>; theo đó, đã phối hợp với Cục Quản lý thị trường theo dõi sát diễn biến thị trường cung - cầu, lưu thông hàng hóa kịp thời, không để xảy ra tình trạng đầu cơ găm hàng, tăng giá bất hợp lý để trục lợi; thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm trong lĩnh

---

Châu Phi; Việt Nam với các thị trường RCEP; Việt Nam - Mexico; Việt Nam - EU; Việt Nam - Ấn Độ 2022; Việt Nam - Trung Quốc)...

<sup>13</sup> Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

vực thương mại, công nghiệp, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thông qua Kế hoạch hưởng ứng Ngày quyền của người tiêu dùng Việt Nam (ngày 15/3) trên địa bàn tỉnh, bằng nhiều hình thức, như: Tổ chức Lễ mít tinh, diễu hành, tuyên truyền phổ biến quy định pháp luật về quyền của người tiêu dùng trên các phương tiện truyền thông (*Banner, tờ rơi, truyền hình, báo, Website, băng rôn,...*).

- *Về hoàn thiện thuế sử dụng tài sản, nhất là về sử dụng đất đai*: Thuế tài sản là sắc thuế thay thế thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, mở rộng và bao quát bổ sung thêm một số đối tượng là tài sản khác không phải là đất. Theo kế hoạch, trong giai đoạn 2023 - 2025, Bộ Tài chính sẽ trình Quốc hội xem xét và năm 2024 ban hành Luật thuế liên quan đến tài sản. Sau khi Quốc hội ban hành luật này, Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành thuế liên quan đến tài sản. Do đó, sau khi Quốc hội thông qua Luật thuế tài sản, ngành Thuế sẽ phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn để người dân, tổ chức, doanh nghiệp được biết, đảm bảo đưa vào quản lý thuế đối tượng chịu thuế theo quy định.

- *Rà soát, điều chỉnh khung giá quyền sử dụng đất phù hợp với thị trường*: Hằng năm, trên cơ sở biến động giá đất trên thị trường, Tỉnh ban hành hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, sát với thị trường. Ban hành quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024).

## **2.2. Hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ, vận hành thông suốt các thị trường**

- *Về xây dựng cơ chế, chính sách đẩy mạnh phát triển thị trường hàng hóa và dịch vụ; phát triển hệ thống hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh*: Ban hành các Quyết định: Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp; quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ; quy định về quy trình chuyển đổi mô hình kinh doanh, khai thác và quản lý chợ; quy định phân cấp quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- *Về thực hiện chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp*: Ngành ngân hàng trên địa bàn tỉnh đã bám sát chủ trương, chính sách của Chính phủ, chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và những định hướng, chỉ đạo của tỉnh đã chủ động triển khai quyết liệt, thực hiện các giải pháp tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, bền vững đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng; đảm bảo cung ứng cho thành phần kinh tế; trong đó, tập trung phân bổ tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ; tích cực hỗ trợ tín dụng thực hiện các chương trình, đề án trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thường xuyên chỉ đạo các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh thực hiện kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp, tổ chức các Hội nghị kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp để hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về vốn, lãi suất, góp phần tăng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp.

- Về hoàn thiện các cơ chế, chính sách để phát triển vận hành thông suốt thị trường bất động sản; thực hiện có hiệu quả chính sách phát triển nhà ở xã hội

+ Hoàn thiện các cơ chế, chính sách để phát triển vận hành thông suốt thị trường bất động sản: Triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 29/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững; hoàn thiện và đưa vào vận hành hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo Nghị định số 44/2022/NĐ-CP ngày 29/6/2022 của Chính phủ; tăng cường kiểm tra, rà soát về tình hình triển khai thực hiện các dự án khu dân cư, khu đô thị. Thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ về tình hình hoạt động thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm các hành vi đưa thông tin không chính xác, gây tác động tiêu cực đến hoạt động của thị trường tài chính, tín dụng, bất động sản. Phê duyệt các quy định để triển khai thực hiện các văn bản pháp luật về đất đai, nhà ở và các pháp luật khác có liên quan, như: Điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ tách diện tích đất thành dự án độc lập đối với các diện tích đất do Nhà nước quản lý nằm xen kẽ trong dự án,...

+ Thực hiện có hiệu quả chính sách phát triển nhà ở xã hội: Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 07/7/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở kêu gọi các Nhà đầu tư triển khai đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến.

Chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030” tại Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ; trong đó, yêu cầu: Khi lập, phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn, quy hoạch phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế phải xác định rõ diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội; đảm bảo quỹ đất dành để phát triển nhà ở xã hội phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương từng thời kỳ; coi chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội là một chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của địa phương; xác định việc đầu tư phát triển nhà ở xã hội cho người lao động có thu nhập thấp là một hạng mục đầu tư trong nguồn vốn trung - dài hạn của địa phương; đơn giản hóa, rút ngắn các thủ tục hành chính theo thẩm quyền; quy định rõ đầu mỗi thực hiện thủ tục hành chính trong lập, phê duyệt dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân. Công bố thông tin danh mục vị trí các dự án phát triển nhà ở xã hội cần thu hút đầu tư trên Công thông tin điện tử của tỉnh để các doanh nghiệp quan tâm, tham gia nghiên cứu, đề xuất đầu tư dự án với 20 vị trí (diện tích khoảng 331 ha) để kêu gọi nhà đầu tư thực hiện đầu tư dự án nhà ở xã hội.

- Về thực hiện nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp

Để phát triển nguồn cầu của thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh, tỉnh Quảng Ngãi đã có các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận với nguồn



cung công nghệ, tiếp cận với các chính sách ưu đãi,... thông qua Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, các phương tiện thông tin đại chúng,...

Thông qua các hoạt động hỗ trợ đổi mới thiết bị công nghệ, một số ít doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã xác lập được nhu cầu về công nghệ để phục vụ sản xuất - kinh doanh, cũng như nắm bắt được các chính sách của tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp. Hằng năm, đã thông báo và hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia các sự kiện trình diễn kết nối cung - cầu công nghệ, chợ công nghệ - thiết bị, như: Trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ và Hội nghị về hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ,... ở các tỉnh bạn.

*- Phát triển hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông, nhất là hạ tầng kết nối số đảm bảo an toàn, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*

Chú trọng phát triển Chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động: Đã thực hiện quang hóa 100% hạ tầng đường truyền, thiết bị truyền tải băng rộng, truy nhập đảm bảo hạ tầng đáp ứng quá trình xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử; hệ thống Hội nghị truyền hình tỉnh phục vụ các phiên họp kết nối từ Chính phủ đến tỉnh và 100% cấp huyện, cấp xã; hệ thống quản lý văn bản và điều hành, sử dụng chữ ký số triển khai đến 100% cơ quan nhà nước ở tỉnh; hệ thống thông tin báo cáo đã thiết lập kết nối 100% số chỉ tiêu chế độ báo cáo của tỉnh với Chính phủ. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.

### ***2.3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển đồng bộ, liên thông thị trường lao động***

*- Về hoạt động hỗ trợ phát triển thị trường lao động:* Trong những năm qua, với các giải pháp mạnh mẽ để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút vốn đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh đã góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng số lượng lao động làm việc trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Các chính sách, chương trình và giải pháp tạo việc làm đã được triển khai đồng bộ, tích cực, hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

+ Chuyển dịch cơ cấu lao động của tỉnh từng bước phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và khai thác hiệu quả các nguồn lực cho phát triển. Sự chuyển dịch lao động từ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản sang khu vực công nghiệp và xây dựng, khu vực dịch vụ đã làm tăng năng suất lao động chung của toàn nền kinh tế. Theo đó, tỷ lệ chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành có sự biến động rõ rệt, lao động khu vực nông, lâm, nghiệp và thủy sản từ 49,23% năm 2017, đạt 33,20% năm 2022; lao động khu vực công nghiệp và xây dựng từ 19,64% năm 2017, đạt 29,85% năm 2022; lao động khu vực dịch vụ từ 31,13% năm 2017, đạt 36,95% năm 2022. Kết quả này khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được tỉnh ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành; đồng thời, khẳng định xu thế chuyển đổi cơ cấu ngành đã phát huy hiệu quả. Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 52,30% năm 2017, đạt 61,43% năm 2022.

+ Công tác giải quyết việc làm được chú trọng. Nhiều chính sách tạo việc làm, hỗ trợ phát triển thị trường lao động đã được triển khai nhất quán, liên tục, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ phục hồi thị trường lao động sau đại dịch Covid-19. Giai đoạn 2017 - 2023, bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho hơn 7.000 lao động, tỷ lệ thất nghiệp thường xuyên duy trì ở mức dưới 03%.

+ Các hoạt động hỗ trợ kết nối cung - cầu lao động, tạo việc làm cho người lao động được tăng cường. Trong đó, quan tâm rà soát, sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức, đầu tư cơ sở vật chất, hệ thống dịch vụ công lập để nâng cao chất lượng và hiệu quả cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công về việc làm cho người lao động, đặc biệt là người lao động yếu thế; tổ chức thu thập và phổ biến thông tin người tìm việc, việc tìm người.

- Việc phối hợp thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tiếp tục có chuyển biến tích cực. Tổ chức 525 cuộc đối thoại giữa Công đoàn - người sử dụng lao động - người lao động; đặc biệt là tổ chức đối thoại giữa đồng chí Bí thư Tỉnh ủy với công nhân, viên chức, lao động và cán bộ công đoàn để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng về những vấn đề liên quan đến việc làm, thu nhập, đời sống, nhà ở công nhân và những khó khăn trong sản xuất, lao động, hoạt động công đoàn. Qua đó, kịp thời tháo gỡ nhằm ổn định cuộc sống của người lao động, tạo điều kiện phát triển sản xuất, góp phần phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, phòng ngừa tranh chấp lao động xảy ra.

- Việc thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể trong các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước được quan tâm, nội dung thỏa ước lao động tập thể tập trung vào các cam kết thiết thực, như về tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, bữa ăn ca, điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động,... Đến nay, 100% doanh nghiệp Nhà nước, 96,67% doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước đã thành lập công đoàn cơ sở ký kết thỏa ước lao động tập thể, trong đó có ít nhất 50% thỏa ước có điều khoản có lợi hơn cho người lao động so với luật; 85% công đoàn cơ sở doanh nghiệp đồng người lao động có thực hiện bữa ăn ca, giá trị định suất bữa ăn ca dao động từ 20.000 đồng đến 36.000 đồng/người/bữa.

- Các cấp công đoàn chú trọng tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp luật tại nơi ở, nơi làm việc; vận động, khuyến khích đoàn viên, người lao động tích cực tìm hiểu, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật. Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, cải thiện điều kiện và môi trường làm việc cho người lao động được các cấp công đoàn quan tâm và tiếp tục duy trì. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động ở 138 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; qua đó, đa số các doanh nghiệp thực hiện đúng quy định, khoảng 36,2% doanh nghiệp chưa thực hiện đúng về ký kết hợp đồng lao động, tiền lương, nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN và vi phạm các quy định về an toàn vệ sinh lao động,... các ngành chức năng đã xử phạt vi phạm hành chính, đảm bảo quyền lợi của người lao động.

### **3. Hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu**

#### **3.1. Tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030**

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 về Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh với 17 mục tiêu chung và 109 mục tiêu cụ thể và giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị liên quan.

Tỉnh Quảng Ngãi luôn chú trọng chỉ đạo việc lồng ghép thực hiện các mục tiêu của Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững vào các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm; phân bổ nguồn vốn Trung ương triển khai một số dự án liên quan tăng trưởng xanh và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh; đồng thời, tổ chức rà soát, bổ sung, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao để báo cáo cấp có thẩm quyền theo định kỳ.

#### **3.2. Về thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia**

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo bền vững và Kết luận số 31-KL/TU ngày 27/4/2016 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở 6 huyện miền núi của tỉnh, giai đoạn 2016 - 2020. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4 khóa XX về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi và Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 của Tỉnh ủy khóa XX về công tác dân tộc; trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 06/5/2022 thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2021 và Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 28/6/2022 triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; theo đó, đã đạt được nhiều kết quả tích cực: Đến cuối năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi giảm 5,37% theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025; giải quyết việc làm cho 6.130 người; 100% xã có điện lưới quốc gia; tỷ lệ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 78,3%. Hệ thống giao thông ở vùng đồng bào DTTS và miền núi cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân. Mạng lưới y tế cơ sở ngày càng được củng cố và hoàn thiện, 100% xã có trạm Y tế hoạt động, chất lượng cán bộ y tế cơ sở đã được nâng cao, 100% xã có bác sỹ, các thôn có nhân viên y tế thôn bản hoạt động; các chế độ, chính sách cho đồng bào DTTS được thực hiện đầy đủ, kịp thời<sup>14</sup>.

<sup>14</sup> Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg; Chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số trong dịp Tết Nguyên đán; Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số...

- Triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia (MTQG) giai đoạn 2021 - 2025, đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh, gồm: 11 Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh; 28 văn bản (Quyết định, Chỉ thị, Kế hoạch) của Ủy ban nhân dân tỉnh và 280 Công văn chỉ đạo, điều hành, 26 Thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh; thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện; thành lập các Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025. Đồng thời, để triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh, ngày 19/01/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND; trong đó, xác định những nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện; phân công từng nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư trong triển khai thực hiện 03 Chương trình MTQG, đến ngày 31/12/2023 giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn được giao.

Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của các Chương trình MTQG là 3.500,43 tỷ đồng; trong đó: Ngân sách Trung ương là 2.100,43 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 1.400 tỷ đồng. Giai đoạn 2021 - 2023 đã phân bổ 1.409,41 tỷ đồng, đạt 40,3% so với kế hoạch trung hạn, trong đó: Ngân sách Trung ương là 1.067,69 tỷ đồng, đạt 50,8%; ngân sách tỉnh là 341,72 tỷ đồng, đạt 24,4%. Ngoài ra, nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện 03 Chương trình MTQG phân bổ trong giai đoạn 2021 - 2023 là 929,26 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương là 767,86 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 161,4 tỷ đồng.

Ước đến hết năm 2023, có thêm 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 01 huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; lũy kế có 103 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 04 huyện, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh theo chuẩn mới Quốc gia còn 6,68%; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,12%/năm.

### ***3.3. Về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu***

Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường; tăng cường hiệu lực, hiệu quả cơ chế giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Kiên quyết bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư; không chấp thuận các dự án đầu tư với công nghệ lạc hậu, các loại hình sản xuất phát thải lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng.

Phê duyệt kết quả “Đánh giá khí hậu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”; ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 02/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Quyết định số 497/QĐ-TTg ngày 21/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; phê duyệt danh mục công trình và chủ công trình phải tổ chức quan trắc khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh; xây dựng, cập

nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **3.4. *Đẩy mạnh đổi mới căn bản toàn diện giáo dục - đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế***

- Tiếp tục thực hiện nghiêm Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; trên cơ sở hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông, tỉnh đã triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, lựa chọn sách giáo khoa giáo dục phổ thông, xây dựng tài liệu giáo dục của địa phương và tổ chức bồi dưỡng giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Triển khai kịp thời các văn bản hướng dẫn về công tác giáo dục nghề nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

- Trình độ chuyên môn, năng lực giảng dạy và tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn, trên chuẩn chiếm tỷ lệ cao. Công tác chăm lo đời sống cho cán bộ quản lý, giáo viên được quan tâm. Chất lượng giáo dục từng bước được nâng dần, tỷ lệ học sinh khá giỏi ngày càng tăng. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đa phần còn trẻ, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, sáng tạo và có tinh thần vươn lên trong mọi hoàn cảnh.

- Việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đã được sự quan tâm của tất cả các cấp ủy Đảng, ngành, địa phương; về cơ bản đã tạo được những chuyển biến tích cực, cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục ngày được quan tâm đầu tư; môi trường học tập của con em được cải thiện; trình độ cán bộ quản lý giáo dục, năng lực giáo viên và chất lượng giáo dục trên địa bàn ngày càng nâng cao. Từ đó, tạo được niềm tin trong Nhân dân cũng như phụ huynh học sinh đối với ngành giáo dục và cả hệ thống chính trị.

- Công tác tổ chức triển khai các nội dung hợp tác trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo với các địa phương của Lào đều đảm bảo quy định, chủ trương, chính sách, đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Chủ động và chú trọng đến việc hỗ trợ một cách thiết thực cho các địa phương của Lào trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần nâng cao quan hệ ngoại giao giữa hai nước và làm sâu sắc mối quan hệ hữu nghị vĩ đại, tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện hai nước Việt Nam - Lào.

### **3.5. *Phát triển y tế, bảo vệ sức khoẻ Nhân dân***

- Phát triển và hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế; phát triển mạng lưới y tế học đường. Tăng cường các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, người nghèo và đối tượng chính sách. Phát triển các trung tâm chuyên khoa sâu tuyến tỉnh; tăng cường đầu tư phát triển y tế công lập đi đôi với khuyến khích và tạo điều kiện phát triển y tế ngoài công lập; phát triển y học hiện đại gắn với y học cổ truyền.

- Củng cố và hoàn thiện mạng lưới Trạm Y tế xã, Trung tâm Y tế huyện; bảo đảm 100% số xã có trạm y tế phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu khám, chữa bệnh từng vùng; tăng cường đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu; kết hợp hài hòa các hoạt động giữa các đơn vị y tế trong huyện; thực hiện tốt tiêu chí quốc gia về y tế xã; phát triển đội ngũ nhân viên y tế thôn, bản nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa.

### ***3.6. Phát triển văn hoá, xây dựng con người phát triển toàn diện***

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 19/10/2016 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững; Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TU; trong đó: Xây dựng, phát triển con người Quảng Ngãi về đức, trí, thể, mỹ được quan tâm, chú trọng, với nhiều hoạt động phong phú, góp phần phổ biến lối sống “*Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người*”, các hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật, thể dục, thể thao từng bước hướng vào việc xây dựng con người Quảng Ngãi có thể giới quan khoa học, chân - thiện - mỹ. Môi trường, đời sống văn hóa có bước cải thiện. Số lượng và chất lượng các danh hiệu văn hóa được nâng cao; tình làng, nghĩa xóm, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau ngày càng tăng cường, phát huy. Nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được xếp hạng và công nhận, góp phần gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa được nâng cao.

- Tiếp tục phát huy kết quả đạt được, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ năm khóa XX đã ban hành Kết luận số 635-KL/TU ngày 01/11/2021 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 23/3/2022 thực hiện Kết luận số 635-KL/TU ngày 01/11/2021 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU, đến nay, qua hơn hai năm triển khai thực hiện, toàn tỉnh đã có 13 Trung tâm Văn hoá - Thể thao cấp huyện. Đối với thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã, có 122/173 xã, phường, thị trấn đã xây dựng được nhà văn hoá (chiếm tỷ lệ 70,5%), có 902/954 thôn, tổ dân phố có nhà văn hoá, đạt tỷ lệ trên 94,5%. Trong năm 2022, toàn tỉnh có 88,5% gia đình đạt chuẩn văn hóa; có 81% thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa; có 91/148 số xã đạt danh hiệu xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; có 96,2% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa. Xây dựng văn hóa trong chính trị được đẩy mạnh. Phẩm chất đạo đức, lối sống, trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức được chú trọng. Văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh bước đầu được tôn vinh.

- Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

### ***3.7. Hoàn thiện thể chế về kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh***

- Để phát triển kinh tế biển gắn với phát triển xã hội bền vững, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh ở vùng ven biển, hải đảo của tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ban hành Kế hoạch số 187-KH/TU ngày 24/4/2019 thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 20/5/2022 về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025; ban hành Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 28/7/2022 triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 20/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ về kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng.

### ***3.8. Xây dựng thể chế liên kết vùng, hoàn thiện quy hoạch phát triển kinh tế vùng trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của từng địa phương***

- Thực hiện tốt công tác phối hợp, liên kết phát triển Vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) miền Trung: Tỉnh Quảng Ngãi đã tích cực phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương trong Vùng xây dựng các kế hoạch, chương trình nhằm phát triển Vùng, như: Liên kết xúc tiến thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại; liên kết phát triển du lịch; đầu tư kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống hạ tầng giao thông kết nối;... Theo đó, đạt được một số kết quả chính như sau:

+ *Về công tác liên kết xúc tiến, thu hút đầu tư:* Phối hợp tổ chức các hội thảo: Phát triển hệ thống và trung tâm logistics; hợp tác, phát triển các khu kinh tế và các khu công nghiệp trong vùng; xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch;...

+ *Về công tác liên kết, xúc tiến thương mại:* Hằng năm, liên kết, phối hợp với các địa phương trong khu vực miền Trung, Tây Nguyên tổ chức các hoạt động về xúc tiến thương mại và khuyến công; Hội nghị kết nối cung cầu (năm 2017); Hội chợ triển lãm Công Thương duyên hải miền Trung (năm 2017); Hội nghị kết nối tiêu thụ dưa hấu và nông sản có thể mạnh tại Quảng Ngãi (năm 2018); Hội chợ triển lãm sản phẩm tiêu biểu của doanh nghiệp trong Khu công nghiệp, Khu kinh tế các tỉnh Tây Nguyên - Duyên hải miền Trung và Thành phố Hồ Chí Minh (năm 2023); qua đó, tăng cường kết nối các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hợp tác trong sản xuất, cung ứng, tiêu thụ hàng hóa, thương mại và dịch vụ.

+ *Về công tác liên kết phát triển lĩnh vực du lịch:* Phối hợp tổ chức các Hội thảo “Liên kết khai thác du lịch nông nghiệp, văn hóa, sinh thái dựa vào cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới tại Vùng KTTĐ miền Trung” (năm 2019); Diễn đàn liên kết, hợp tác phát triển du lịch vùng KTTĐ miền Trung với Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội (năm 2020) để gắn kết các khu du lịch trọng điểm của các tỉnh, thành phố, khai thác lượng khách du lịch quốc tế theo tuyến hành trình di

sản miền Trung qua Đà Nẵng, Quảng Nam, Huế đến với đảo Lý Sơn - Quảng Ngãi.

+ *Về liên kết phát triển cơ sở hạ tầng giao thông*: Hoàn thành mở rộng Quốc lộ 1; đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi. Tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh đang tiếp tục được đầu tư để kết nối hệ thống đường ven biển của các địa phương trong vùng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế biển và khai thác du lịch. Đầu tư hoàn thiện và đồng bộ hệ thống hạ tầng cảng Dung Quất 1, nhằm sớm hình thành tuyến container và phát triển dịch vụ logistics phục vụ vận chuyển hàng hoá thông qua cảng của Quảng Ngãi nói riêng và khu vực miền Trung, Tây Nguyên nói chung.

+ *Về liên kết phát triển văn hóa, xã hội*: Phối hợp tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ giữa các địa phương trong vùng, như: Tham gia Ngày hội Trình diễn cây Nêu và giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc Việt Nam tại tỉnh Quảng Nam (năm 2017); giới thiệu và trình diễn dệt thổ cẩm dân tộc Hrê tại Festival Làng nghề truyền thống Huế (năm 2017); tham gia Ngày hội văn hóa các dân tộc tại tỉnh Quảng Nam (năm 2017, 2018); tham gia đón nhận Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại “Nghệ thuật Bài Chòi Trung bộ Việt Nam” tại Bình Định (năm 2018). Bên cạnh đó, các tỉnh Quảng Ngãi, Kon Tum, Quảng Nam, Bình Định chia sẻ về kết quả hỗ trợ nhau trong bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa tương đồng, đặc biệt là di sản văn hóa dân tộc thiểu số.

- *Về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị*: Triển khai Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ban hành Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 14/02/2023.

Đồng thời, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ và Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 14/02/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị. Hiện nay, Tỉnh đang phối hợp với Bộ Công Thương để xây dựng Đề án Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng Quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất và chỉ đạo xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Đề án phát triển huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thành trung tâm du lịch biển - đảo.

Thực hiện Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; Quyết định số 49/QĐ-HĐĐPBTDHTB ngày 01/8/2023 của Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 thành lập Tổ điều phối cấp tỉnh.



#### **4. Hoàn thiện thể chế đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế**

- Thông tin đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về việc lưu ý nguyên tắc Ratchet (nguyên tắc không đi lùi) trong cam kết dịch vụ và đầu tư của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã có hiệu lực đối với Việt Nam để tham khảo, lưu ý trong việc xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hoặc cấp phép trong lĩnh vực dịch vụ và đầu tư đối với các nhà đầu tư, nhà cung cấp dịch vụ đến từ các nước thành viên Hiệp định CPTPP; danh sách cảnh báo các sản phẩm có nguy cơ bị điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ và chuyển tải bất hợp pháp; các quy định về Vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) của các nước thành viên WTO có thể ảnh hưởng đến mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam.

- Phối hợp với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) - Chi nhánh Đà Nẵng tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao kiến thức, năng lực về hội nhập kinh tế quốc tế cho cán bộ quản lý Nhà nước và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, nội dung tập trung vào những vấn đề về Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP); Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với tiêu chuẩn cao và mức độ tự do hóa mạnh (UKVFTA) và các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực; giải pháp thực thi đối với cơ quan quản lý Nhà nước ở tỉnh; giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; tác động của Hiệp định thương mại tự do (FTA) đến các biện pháp phòng vệ thương mại,...

- Cập nhật thông tin, thị trường các nước tham gia các Hiệp định thương mại tự do (FTA) dưới hình thức tin, bài viết, tài liệu truyền thông nhằm giúp doanh nghiệp nâng cao nhận thức, hiểu biết về các quy định và nội dung cam kết cũng như các công việc cần triển khai để thực thi hiệu quả các Hiệp định.

- Thông tin đến các doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh về kênh thông tin trực tuyến giới thiệu các doanh nghiệp Việt Nam có nhu cầu kết nối, giao thương tại thị trường Hoa Đông nói riêng và thị trường Trung Quốc nói chung được biết và thực hiện để được hỗ trợ, đăng tải hoàn toàn miễn phí trên trang web và tài khoản wechat chính thức của Phòng Thương mại Quốc tế Thượng Hải (COIC).

- Cập nhật thường xuyên và thông tin đến các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu về hội chợ trong nước và quốc tế nhằm kết nối, tiêu thụ sản phẩm cũng như các cơ chế, chính sách, một số quy định liên quan đến rào cản thương mại một số nước để doanh nghiệp biết chủ động sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng trong xuất khẩu và xuất nhập khẩu.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác xúc tiến đầu tư. Chú trọng, tập trung xúc tiến, thu hút đầu tư những ngành nghề, lĩnh vực phù hợp với lợi thế cạnh tranh của địa phương, không thu hút đầu tư phát triển bằng mọi giá; cương quyết từ chối các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm cao, các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều nhiên liệu, nguyên vật liệu, gây ô nhiễm môi trường. Phê duyệt danh mục dự án trọng điểm thu hút đầu tư vào tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 (*Quyết*

định số 481/QĐ-UBND ngày 16/6/2021); phê duyệt Đề án “Nhận diện khó khăn, thách thức và giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Quảng Ngãi hội nhập quốc tế giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030” (Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 22/3/2023).

## **5. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, vai trò xây dựng và thực hiện thể chế kinh tế của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

### **5.1. Về hoàn thiện các quy hoạch**

Quyết liệt chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030. Tỉnh Quảng Ngãi xác định công tác lập Quy hoạch có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc hoạch định tầm nhìn dài hạn, sẽ là công cụ đặc biệt quan trọng để Tỉnh hoạch định phương hướng, điều hành và quản lý mọi hoạt động phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo tính đồng bộ, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh, khắc phục các điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực phát triển toàn diện, hài hòa, hiệu quả và bền vững. Chính vì vậy, trong thời gian qua, tỉnh Quảng Ngãi xác định công tác lập Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt. Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; hiện nay đang tập trung hoàn thiện Hồ sơ Quy hoạch tỉnh theo kết quả rà soát của Hội đồng thẩm định để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Đồng thời, đẩy mạnh việc lập Quy hoạch các phân khu chức năng trong Khu kinh tế Dung Quất vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng đến năm 2045 tại Quyết định 168/QĐ-TTg ngày 28/02/2023, với diện tích khoảng 45.332 ha<sup>15</sup>. Đây sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để tỉnh Quảng Ngãi kịp thời tháo gỡ các nút thắt, tồn tại, hạn chế đối với sự phát triển của Khu kinh tế Dung Quất trong thời gian vừa qua, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển trong thời kỳ mới và là công cụ hết sức quan trọng để tỉnh Quảng Ngãi tổ chức quản lý, kiểm soát các hoạt động đầu tư, tạo nền tảng thúc đẩy đầu tư phát triển Khu kinh tế Dung Quất theo hướng năng động, đột phá, thông minh, hiện đại, hiệu quả và bền vững trong giai đoạn tới.

### **5.2. Về đầu tư công**

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019, Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015, Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Hội đồng nhân dân tỉnh có Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 ban

<sup>15</sup> Gồm 05 phân khu chức năng chính: (1) Phân khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ Bắc Dung Quất; (2) Phân khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ Châu Ô - Bình Long; (3) Phân khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ Nam Dung Quất; (4) Phân khu đô thị, dịch vụ Đông Nam Dung Quất; (5) Phân khu đô thị Lý Sơn.

hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025.

Bám sát Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch vốn đầu tư công; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX, định hướng Quy hoạch tỉnh phù hợp với mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 của tỉnh. Đã xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (bao gồm cả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia) với tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 là 34.045,2 tỷ đồng (trong đó: vốn NSDP là 26.645,5 tỷ đồng, vốn NSTW là 7.399,7 tỷ đồng); đã giao kế hoạch vốn hàng năm từ năm 2021 - 2023 là 15.351,6 tỷ đồng (vốn NSDP là 10.416 tỷ đồng, đạt 43,5% kế hoạch trung hạn được HĐND tỉnh giao; vốn NSTW là 4.935,6 tỷ đồng, đạt 66,7% kế hoạch trung hạn TTCP giao). Còn lại chưa giao là 15.999,9 tỷ đồng (trong đó: NSDP là 13.535,8 tỷ đồng, NSTW là 2.464,1 tỷ đồng) và dự phòng 2.693,7 tỷ đồng. Để tăng tính khả thi cho kế hoạch trung hạn, Ủy ban nhân dân tỉnh đang trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương đảm bảo các nguồn lực đầu tư.

Xác định công tác đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị hàng đầu, nên ngay từ đầu năm Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều Chỉ thị, Kế hoạch tiến độ giải ngân của từng dự án, từng chủ đầu tư và các văn bản chỉ đạo, điều hành tại các phiên họp thường kỳ Ủy ban nhân dân tỉnh, các cuộc họp giải ngân vốn đầu tư công hàng tháng, quý, năm; đồng thời, thường xuyên tổ chức kiểm tra hiện trường để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung tháo gỡ ngay các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ giải ngân của các dự án, qua đó tỷ lệ giải ngân qua các năm đều đạt ở mức khá cao và nằm trong top các tỉnh, thành phố có tỷ lệ giải ngân cao nhất nước.

### ***5.3. Về đổi mới công tác xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra***

Việc phối hợp trong xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp và ứng dụng phần mềm hỗ trợ xử lý chồng chéo thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã đạt một số kết quả nhất định, số lượng doanh nghiệp còn trùng lặp trong thanh tra, kiểm tra đã giảm rõ rệt so với trước; tình trạng phản ánh của doanh nghiệp về thanh tra, kiểm tra nhiều lần, gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh giảm đáng kể; phát hiện sai phạm qua thanh tra, kiểm tra nhiều hơn và xử lý nghiêm khắc hơn; việc buộc công khai kế hoạch, quy trình thanh tra, kiểm tra, kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm được một số đơn vị thực hiện nghiêm túc.

### ***5.4. Về cải cách tư pháp và hoàn thiện chính sách, pháp luật***

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách tư pháp, tổ chức 12 hội nghị triển khai 38 văn bản luật cho hơn 2.400 lượt lãnh đạo các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh, báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân và

các cơ quan chuyên môn các huyện, thị xã, thành phố; tổ chức 05 cuộc thi tìm hiểu pháp luật.

- Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật được triển khai thường xuyên, không ngừng được đổi mới và nâng cao chất lượng. Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được tích cực thực hiện; đã biên soạn và phát hành 22 tập sách hỏi đáp pháp luật, 06 bản tin hỗ trợ doanh nghiệp, 02 tờ gấp pháp luật và đã cấp phát cho hơn 6.000 lượt doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, giúp các doanh nghiệp kịp thời nắm bắt, tìm hiểu và tiếp cận được các quy định của pháp luật, vận dụng và thực hiện trong quá trình sản xuất kinh doanh.

### **5.5. Về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước**

- *Cơ quan, tổ chức hành chính:* Trên cơ sở quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương; tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức hành chính trên địa bàn tỉnh luôn được rà soát, sắp xếp, sửa đổi, bổ sung kịp thời. Đến nay, việc sắp xếp các sở, ngành, cơ cấu tổ chức bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; kết quả sắp xếp đến tháng 6/2023 giảm 04 Chi cục<sup>16</sup>, 25 phòng chuyên môn thuộc sở và 26 phòng chuyên môn thuộc chi cục và tương đương.

- *Đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL):* Trên cơ sở Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 04/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định có liên quan (*mục tiêu đến năm 2021 giảm tối thiểu 10% đơn vị và đến năm 2025 giảm tối thiểu 20% so với số lượng năm 2015*); tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện sắp xếp các ĐVSNCL đảm bảo mục tiêu, lộ trình theo kế hoạch. Năm 2015, tổng số lượng ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh là 878 đơn vị (*chưa kể 183 trạm y tế xã*), đến thời điểm 30/6/2023 còn 684 đơn vị (*chưa kể 173 trạm y tế xã*), giảm 194 đơn vị, đạt tỷ lệ 22,09% so với tổng số ĐVSNCL năm 2015, đã vượt kế hoạch đến năm 2025.

### **5.6 Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, tạo môi thuận lợi cho phát triển sản xuất kinh doanh**

Lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết các vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự, các vấn đề liên quan đến tình hình phức tạp trên Biển Đông; tình hình an ninh, trật tự tại các dự án kinh tế; các vụ tranh chấp, khiếu kiện phức tạp trên địa bàn tỉnh; phòng ngừa, đấu tranh chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí vốn, tài sản nhà nước trong quá trình đầu tư công. Triển khai thực hiện hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa, làm thất bại âm mưu, hoạt động của các đối tượng tình báo, gián điệp,... góp phần tạo môi trường ổn định, thu hút đầu tư, phục vụ phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn các cơ quan, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh, an toàn trụ sở, đảm bảo an ninh trật tự tại cơ

<sup>16</sup> Chi cục Biển và Hải đảo thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chi cục Văn thư lưu trữ thuộc Sở Nội vụ; Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Chi cục Giám định xây dựng thuộc Sở Xây dựng.

quan, doanh nghiệp; công tác bảo vệ môi trường, phòng, cháy chữa cháy; Pháp lệnh bảo vệ bí mật Nhà nước; Pháp lệnh bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (*Nhà máy lọc dầu Dung Quất, hệ thống truyền tải điện 500KV,...*).

### **5.7. Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp**

Trong thời gian qua, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp của tỉnh; các sở, ban, ngành, các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đã tuyên truyền sâu rộng, quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 11-NQ/TW đến toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị và cộng đồng doanh nghiệp cũng như người dân trên địa bàn tỉnh.

Nhân dân ngày càng tích cực tham gia vào quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả sử dụng pháp luật, góp phần thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chiến lược quan trọng của Đảng và Nhà nước ta trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu.

Phát huy, nâng cao công tác tuyên truyền, sơ kết, tổng kết và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW.

## **III. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân**

### **1. Nguyên nhân khách quan**

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài từ năm 2020 đến đầu năm 2022 đã tác động đến tình hình thị trường lao động, đời sống của người dân, nhất là các đối tượng yếu thế, người lao động gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có sự phát triển nhanh về số lượng nhưng phần lớn có vốn đầu tư nhỏ, quy mô sản xuất và thu hút lao động thấp, tốc độ đô thị hóa, dịch vụ và du lịch phát triển chậm, nên tỷ lệ dịch chuyển lao động theo ngành công nghiệp, dịch vụ còn chậm.

- Sự chông chéo giữa các Luật chuyên ngành với nhau dẫn đến khó khăn, lúng túng trong quá trình áp dụng (*giữa pháp luật về đầu tư với pháp luật về chuyển giao công nghệ, nhà ở, đô thị...*); sự chông chéo giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư; do đó, gây ảnh hưởng trong công tác thu hút đầu tư, nhất là việc thu hút các dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở thương mại, khu đô thị; đồng thời, sự thay đổi liên tục của các văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến sự thiếu ổn định, khó áp dụng trong thực tiễn, làm giảm niềm tin đối với các nhà đầu tư, ảnh hưởng đến môi trường thu hút đầu tư.

- Hoạt động tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện chỉ dừng lại ở việc tư pháp chung về áp dụng pháp luật, không can thiệp, tư vấn cho doanh nghiệp giải quyết các hồ sơ, vụ việc cụ thể. Do đó, chưa mang đến cho doanh nghiệp sự hài lòng cao và cũng chưa đảm bảo giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa

xử lý được các vướng mắc về pháp luật trong thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tình trạng sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, manh mún; giá trị đầu tư vào nông nghiệp rất cao; cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất vẫn còn thấp kém; hành lang pháp lý giao đất để thực hiện dự án đầu tư nông nghiệp chưa rõ ràng. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất còn chậm; kinh tế hộ nhỏ lẻ vẫn chiếm tỷ trọng cao và đang bộc lộ những hạn chế, yếu kém cản trở quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp; sản xuất quy mô lớn, theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất nguyên liệu với bảo quản, chế biến và tiêu thụ chưa trở thành chủ đạo.

- Vai trò của doanh nghiệp nhà nước là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước, dẫn dắt, tạo động lực phát triển đối với nền kinh tế còn hạn chế. Nhìn chung, hiệu quả sản xuất kinh doanh và đóng góp của nhiều doanh nghiệp nhà nước còn thấp, chưa tương xứng với nguồn lực Nhà nước đầu tư. Cơ chế quản trị doanh nghiệp Nhà nước chậm được đổi mới, kém hiệu quả, chưa phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế; tính công khai, minh bạch còn hạn chế.

- Việc cơ cấu lại doanh nghiệp Nhà nước và thoái vốn Nhà nước triển khai chậm, quá trình cổ phần hóa còn yếu, tiêu cực và có một số khó khăn, vướng mắc về thể chế chậm được giải quyết, nhất là thể chế định giá đất đai, tài sản công. Trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp Nhà nước chưa rõ ràng; công tác cán bộ, chính sách tiền lương còn bất cập, chưa phù hợp với cơ chế thị trường. Việc tách chức năng quản lý Nhà nước và chức năng của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại doanh nghiệp Nhà nước thực hiện chậm. Cơ chế quản lý, giám sát và việc thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan và người đại diện chủ sở hữu Nhà nước chưa thật rõ ràng và phù hợp. Đổi mới phương thức lãnh đạo của các tổ chức Đảng, phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp chưa theo kịp yêu cầu đổi mới, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước.

- Thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh chưa phát triển, nhu cầu về công nghệ của các doanh nghiệp chưa rõ nét; do đó, đến nay chưa thể hình thành được các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

- Hiện nay, các quy định, chính sách về chuyển đổi số từ Trung ương triển khai là quá lớn. Phần lớn, cán bộ được giao nhiệm vụ chuyển đổi số làm nhiệm vụ kiêm nhiệm, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ chuyên sâu còn hạn chế. Việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến hiện còn khó khăn như: Hệ thống phần mềm chuyên ngành còn quá nhiều, phân tán, chưa liên thông dữ liệu (*riêng phần mềm tiếp nhận hồ sơ TTHC của các Bộ, ngành thì có hơn 15 hệ thống*); trình độ dân trí và điều kiện để thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại những nơi vùng sâu, vùng xa còn rất hạn chế.

## **2. Nguyên nhân chủ quan**

- Một số sở, ban, ngành vẫn còn tình trạng khi xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chưa thực hiện nghiêm các quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm, như: Tổ chức lấy ý kiến nhưng chưa đúng với đối tượng chịu

sự tác động; lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo văn bản chưa đảm bảo thời gian theo quy định; đối tượng lấy ý kiến hẹp, chất lượng ý kiến góp ý dự thảo văn bản chưa cao; dự thảo gửi thẩm định có lúc chậm đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Do vậy, chất lượng của dự thảo văn bản tham mưu trước khi gửi thẩm định chưa đạt yêu cầu, phải chỉnh sửa lại nhiều lần. Việc tham mưu xây dựng văn bản quy định chi tiết nội dung được Quốc hội giao trong Luật chưa thực hiện đúng tiến độ.

- Nhiều doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp lớn) khi được mời tham gia các hội nghị hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do các cơ quan Nhà nước của tỉnh tổ chức nhưng không quan tâm, không cử cán bộ tham dự hội nghị. Vì vậy, rất khó để các cơ quan Nhà nước có thể nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của doanh nghiệp và có những giải pháp, biện pháp hỗ trợ kịp thời cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại vào sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm chưa được phổ biến. Phương thức tiếp thị, xúc tiến đầu tư thương mại của các doanh nghiệp, Hợp tác xã,... trên địa bàn tỉnh chưa hiệu quả.

- Nhận thức về vai trò, vị trí của kinh tế Nhà nước và doanh nghiệp Nhà nước, về yêu cầu và giải pháp cơ cấu lại, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước còn chưa đầy đủ; một số vấn đề chưa rõ, còn ý kiến khác nhau nhưng chưa được kịp thời tổng kết thực tiễn, kết luận, dẫn đến chưa có sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động.

- Việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng về doanh nghiệp Nhà nước còn nhiều yếu kém, bất cập. Thể chế quản lý, quản trị doanh nghiệp Nhà nước còn không ít hạn chế, yếu kém; không rõ ràng về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân; quyền hạn chưa gắn với trách nhiệm trong quản trị, điều hành doanh nghiệp Nhà nước.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá doanh nghiệp Nhà nước còn nhiều hạn chế. Một bộ phận không nhỏ cán bộ quản lý doanh nghiệp Nhà nước còn hạn chế về năng lực quản lý, điều hành, sa sút về tinh thần trách nhiệm, suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống, vi phạm pháp luật. Hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán của các cơ quan quản lý Nhà nước không cao. Tình trạng thực hiện chưa nghiêm túc chủ trương của Đảng, vi phạm pháp luật, rủi ro, yếu kém, thua lỗ trong doanh nghiệp Nhà nước không được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh.

- Chưa có giải pháp căn cơ lâu dài để khắc phục tình trạng mất cân đối cung - cầu lao động, khan hiếm lao động trình độ cao; thiếu cơ sở dữ liệu điện tử trong quản lý lao động, dự báo nhu cầu kỹ năng tương lai. Nhận thức của xã hội, người dân về giáo dục nghề nghiệp chưa đầy đủ, tâm lý chạy theo bằng cấp vẫn còn phổ biến. Công tác hướng nghiệp, phân luồng, liên thông chưa hiệu quả, có mặt còn yếu kém, chưa có giải pháp đột phá đối với công tác tuyên truyền, định hướng nghề nghiệp và phân luồng. Chưa có giải pháp hiệu quả để khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề gắn với hoạt động doanh nghiệp.

#### **IV. Những vấn đề mới phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW**

- Đại dịch Covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp chưa có tiền lệ trên thế giới và ở nước ta đã tác động, ảnh hưởng nặng nề đến tất cả đến mọi mặt đời sống của Nhân dân, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Triển khai thực hiện Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tăng cường công tác phân cấp, phân quyền trong thực thi nhiệm vụ của cơ quan Nhà nước.

- Bên cạnh đó, việc triển khai đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 11-NQ/TW đòi hỏi rất nhiều yếu tố, như:

+ Đổi mới tư duy, nhận thức về cơ chế, chính sách, pháp luật; phát triển đa dạng các thị trường, các cam kết quốc tế; phát triển nguồn nhân lực; phát triển cơ sở hạ tầng; nhận thức của người dân và doanh nghiệp; trong khi đó, cơ sở hạ tầng thiết yếu của tỉnh Quảng Ngãi hiện nay là rất hạn chế.

+ Xây dựng các chính sách tăng cường chuyển giao công nghệ, kỹ thuật trong công tác quản lý Nhà nước, hướng tới sử dụng phần mềm tích hợp các thông tin đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước; bố trí nguồn lực tương xứng cho việc triển khai thực hiện chủ trương, chính sách về chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

+ Xây dựng ứng dụng công nghệ vệ tinh, công nghệ ưu tiên, xây dựng cơ sở dữ liệu số phục vụ công tác quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và triển khai hiệu quả phát triển đô thị thông minh; đồng thời, đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển đô thị thông minh.

+ Tiếp tục thực hiện các giải pháp hoàn thiện, phát triển thị trường lao động, chú trọng công tác hướng nghiệp, dự báo, ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện bộ dữ liệu thực trạng nguồn lao động của tỉnh, nhu cầu lao động của các doanh nghiệp cụ thể, chính xác để phục vụ tốt cung - cầu thị trường lao động trên địa bàn tỉnh; Giới thiệu lao động cho doanh nghiệp, cập nhật thông tin mới, nắm bắt thường xuyên về nhu cầu lao động của doanh nghiệp, đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

#### **V. Đánh giá chung**

*Qua hơn 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW trong bối cảnh có những thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen nhưng các cấp ủy đảng đã quan tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện đạt kết quả tích cực, cụ thể như sau:*



- Công tác tổ chức học tập, tuyên truyền, quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện đảm bảo nghiêm túc, kịp thời phù hợp với tình hình thực tế; nhận thức của cán bộ, đảng viên, người lao động từng bước được nâng lên.

- Đa số cán bộ, đảng viên nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhận thức tương đối đầy đủ, sâu sắc quan điểm, chủ trương, nội dung và giải pháp đề ra trong Nghị quyết số 11-NQ/TW; qua đó, đã tạo sự đồng thuận, thống nhất về tư tưởng, hành động để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Cơ chế, chính sách ban hành trong thời gian qua đang được các địa phương, doanh nghiệp và người dân đồng tình ủng hộ; môi trường đầu tư kinh doanh lành mạnh, minh bạch; khuyến khích đầu tư cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh cơ giới hóa các khâu trong sản xuất, nâng cao chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm,...; bên cạnh nguồn vốn của ngân sách Nhà nước, đã huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực khác, phát huy tối đa khả năng của mọi người dân, của các thành phần kinh tế, coi đó là một động lực của phát triển, góp phần quan trọng giải quyết việc làm, phát triển kinh tế đất nước.

- Công tác chăm lo bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống Nhân dân và phát triển khu vực nông nghiệp nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và hải đảo được chú trọng, quan tâm thường xuyên.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý được nâng cao, bám sát thực tiễn quản lý tại địa phương, đánh giá đúng tình hình, kịp thời đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách phù hợp; tập trung thực hiện quyết liệt, sáng tạo, có trọng tâm, trọng điểm, gắn trước mắt với cơ bản lâu dài. Tăng cường công tác dự báo phục vụ chỉ đạo điều hành thực hiện các kế hoạch.

- Công tác phổ biến, tuyên truyền thông tin về các chính sách, pháp luật kịp thời, chính xác, đúng định hướng của Đảng và Nhà nước; chủ động cung cấp thông tin cho các cơ quan phát thanh, truyền hình, thông tấn, báo chí một cách kịp thời và chính xác đã góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan Nhà nước; tạo điều kiện cho người dân có điều kiện tham gia trong việc xây dựng và giám sát thực hiện kế hoạch và các chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội.

*Bên cạnh những kết quả đạt được còn một số tồn tại, hạn chế:* Công tác tổ chức học tập, tuyên truyền, quán triệt thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ở một số chi bộ, đảng bộ chưa có chiều sâu; tổ chức thực hiện các chương trình, quy chế phối hợp với các lực lượng, các ngành còn nặng về hình thức, hiệu quả chưa cao, thiếu chiều sâu, còn dàn trải; phải đối mặt với những khó khăn và ảnh hưởng lớn từ đại dịch Covid-19; đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bị thiên tai; năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn chưa cao; nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển khoa học và công nghệ còn hạn chế chưa tạo thành động lực tăng trưởng; văn bản quy phạm pháp luật để căn cứ giải quyết cho một số lĩnh vực còn

chưa đồng bộ; nguồn lực đầu tư từ khu vực tư nhân chưa thể hiện được vai trò là động lực của tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững như kỳ vọng; phần lớn doanh nghiệp nhà nước có quy mô nhỏ, hiệu quả sản xuất kinh doanh và đóng góp ngân sách Nhà nước còn thấp.

## **VI. Kiến nghị, đề xuất**

### **1. Bối cảnh trong nước và quốc tế tác động đến việc thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW đến năm 2030**

- Thế giới đang đứng trước tình trạng suy thoái, lạm phát và tỷ giá tăng hầu hết các đồng tiền so với USD. Lạm phát của một số nền kinh tế lớn đang có xu hướng gia tăng, gây tác động tiêu cực đến các vấn đề kinh tế thế giới. Việc thắt chặt chính sách tiền tệ sẽ khiến tăng trưởng kinh tế toàn cầu đứng trước nguy cơ suy giảm.

- Thế giới đang hội nhập và chia tách đan xen: một mặt, *các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, kết nối khu vực được đẩy mạnh*; mặt khác, xu thế chia tách cũng đang xuất hiện, xung đột Nga - Ucraina. Nga bị cấm vận và thế giới bị chia tách, các nước châu Âu gặp khó khăn về năng lượng và nhiều hệ lụy khác.

- Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tạo điều kiện cho dịch chuyển ngày càng tự do và trên quy mô lớn (*toàn cầu*) các nguồn lực phát triển (*vốn, công nghệ, nhân lực,...*). Quá trình đó tạo ra áp lực đòi hỏi các quốc gia phải liên tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật.

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang tác động lớn đến mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Cuộc cách mạng này mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức cho phát triển.

- Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn. Chuyển dịch sang năng lượng tái tạo, năng lượng xanh sẽ là xu thế rõ nét hơn trong thời kỳ tới. Vấn đề về ô nhiễm môi trường, tăng trưởng xanh, giảm phát thải khí nhà kính hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 sẽ được quan tâm, ưu tiên trong các quyết định chính sách, dự án đầu tư.

- Xuất hiện các nguy cơ an ninh phi truyền thống, như: Quá trình phục hồi sau đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng,... tác động ngày càng sâu rộng đến phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia, đòi hỏi các quốc gia phải chung tay xây dựng và triển khai các biện pháp và huy động nguồn lực để ứng phó,...

### **2. Đề xuất, kiến nghị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW trong giai đoạn từ nay đến năm 2030**

Căn cứ, bám sát các nội dung của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quan điểm, mục tiêu và các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 11-NQ/TW.

### **3. Kiến nghị với cấp có thẩm quyền**

#### **3.1. Đối với Bộ Chính trị**

Kính đề nghị Bộ Chính trị chỉ đạo tổ chức Hội nghị, Hội thảo để đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW trong thời gian qua; đồng thời, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quan điểm, mục tiêu và các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 11-NQ/TW để phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và bối cảnh, tình hình mới của thế giới.

#### **3.2. Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

Tỉnh Quảng Ngãi là một trong 18 tỉnh, thành phố của cả nước có số thu ngân sách điều tiết về ngân sách trung ương; tuy GRDP bình quân đầu người xếp thứ 2 so với 14 tỉnh, thành phố vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, nhưng nếu tính thu nhập bình quân đầu người thì thấp hơn bình quân của cả nước; vẫn còn là một tỉnh nghèo với tỷ lệ hộ nghèo thuộc nhóm cao nhất khu vực, nhu cầu cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng là rất lớn nhưng điều kiện nguồn lực của Tỉnh còn hạn chế. Hiện nay, quy định sử dụng 70% từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương để thực hiện cải cách tiền lương, 30% để chi đầu tư phát triển làm ảnh hưởng rất lớn đến nguồn lực đầu tư. Do đó, cần có cơ chế cho sử dụng linh hoạt hơn nếu địa phương đảm bảo đủ kinh phí cho cải cách tiền lương. Kính đề nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nghiên cứu, đề xuất *nâng mức chi đầu tư phát triển, đặc biệt là đối với các địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương, sử dụng 50% từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương để cải cách tiền lương và 50% để chi đầu tư phát triển.*

#### **3.3. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương**

(1) Trong quá trình triển khai Luật Đầu tư công và các văn bản Pháp luật có liên quan, tỉnh Quảng Ngãi gặp một số vướng mắc, đó là: (i) Luật đầu tư công quy định *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định* “kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện dự án” và “kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn” dự án đầu tư bằng nguồn ngân sách địa phương thuộc *Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định chủ trương, bố trí vốn đầu tư*; (ii) Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định về thời gian điều chỉnh kế hoạch vốn hàng năm phải trước ngày 15/11 sẽ làm mất đi sự linh hoạt trong công tác điều hành vốn đầu tư công; đồng thời, không phù hợp với thực tiễn, nhất là đối với việc trình điều chỉnh nguồn vốn ngân sách địa phương phải thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh. Đối với các nội dung này, tỉnh Quảng Ngãi đã có văn bản báo cáo trung ương. Kính đề nghị Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, nghiên cứu tham mưu các cấp có thẩm quyền sửa đổi các quy định của Luật Đầu tư công cho phù hợp với thực tế triển khai tại địa phương.

(2) Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép tỉnh Quảng Ngãi xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ một số cơ chế, chính sách về ưu đãi đầu tư cho phát triển du lịch Lý Sơn phù hợp với thực tế; đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, lợi ích của người dân và lợi ích của nhà đầu tư trong thời gian tới. Kính đề nghị Trung ương hỗ

trợ để đầu tư xây dựng Cảng hàng không Lý Sơn theo hình thức đối tác công tư. Đồng thời, trong điều kiện nguồn lực trong giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Quảng Ngãi rất khó khăn, vốn đầu tư thực tế không đáp ứng đủ nhu cầu đầu tư; kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ tiếp tục quan tâm ưu tiên dành nguồn lực đầu tư, để tạo tiền đề thu hút các nhà đầu tư ngoài ngân sách; tạo điều kiện để Lý Sơn phát triển tương xứng với vai trò biểu tượng Quốc gia về chủ quyền, về lãnh thổ, biểu tượng của đất nước Việt Nam vươn khơi.

(3) Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Công Thương sớm hoàn thiện Đề án Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng Quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất theo Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị.

(4) Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục triển khai xây dựng “*Đề án lựa chọn một số khu kinh tế ven biển trọng điểm*”<sup>17</sup> để tập trung hỗ trợ đầu tư từ NSTW cho phát triển hệ thống đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách giai đoạn 2023 - 2025 và 2026 - 2030”, trong đó có Khu kinh tế Dung Quất. Nội dung này, Thủ tướng Chính phủ đã thực hiện trong giai đoạn 2013 - 2015<sup>18</sup> và giai đoạn 2016 - 2020<sup>19</sup> và cũng đã được quy định tại khoản 4, Điều 23, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế.

(5) Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân Quảng Ngãi chưa thực hiện giải thể theo Công văn số 1790/TTg-ĐMDN ngày 09/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ, mặc dù, tỉnh Quảng Ngãi đã có nhiều Tờ trình đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh từ hình thức giải thể sang hình thức thực hiện thủ tục phá sản đối với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân Quảng Ngãi vì Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ không có hình thức phá sản nên chưa giải quyết được. Kính đề nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 để giải quyết phá sản công ty theo quy định.

(6) Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản hướng dẫn “*Quy định về kinh phí hỗ trợ giải quyết các tồn tại tài chính đối với các công ty nông, lâm, nghiệp thực hiện giải thể nhưng mất khả năng thanh toán*”, theo Quyết định số 984/QĐ-TTg ngày 23/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 82-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp.

(7) Kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường:

<sup>17</sup> Theo tiêu chí định lượng như: vị trí chiến lược, cảng, sân bay, dự án động lực, tình hình thu hút đầu tư, sản xuất kinh doanh, đóng góp nguồn thu NSNN và các chỉ tiêu phát triển khác...

<sup>18</sup> Công văn số 1231/TTg-KTTH ngày 17/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ về đề án rà soát, xây dựng tiêu chí lựa chọn một số KKT ven biển để tập trung đầu tư giai đoạn 2013-2015.

<sup>19</sup> Công văn số 2021/TTg-KTTH ngày 09/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ lựa chọn một số KKT ven biển để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020.

- Hướng dẫn, có lộ trình gia hạn thời gian quy định tại điểm đ, khoản 4, Điều 51, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Cần có điều khoản chuyển tiếp trong các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các dự án đã cấp phép đầu tư trước ngày 01/01/2022 vào khu sản xuất kinh doanh dịch vụ tập trung chưa hoàn thiện hạ tầng về bảo vệ môi trường.

(8) Ngoài ra, tỉnh Quảng Ngãi có những kiến nghị, đề xuất cụ thể tại Báo cáo số 165/BC-UBND ngày 14/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xây dựng hạ tầng và xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi báo cáo Bộ trưởng Bộ Nội vụ, thành viên Chính phủ, Trưởng đoàn công tác theo Quyết định số 435/QĐ-TTg ngày 24/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi kính báo cáo Ban Kinh tế Trung ương.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (báo cáo),
- Ban Kinh tế Trung ương (báo cáo);
- BCS đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo),
- Các đồng chí UVBTV Tỉnh ủy,
- Các cơ quan chuyên trách TM, GVTU,
- Các Ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy,
- Các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc tỉnh,
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh,
- UBND các huyện, thị xã, thành phố,
- VPUB: CVP, PCVP, Phòng Tổng hợp,
- Lưu: VT, Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Đinh Thị Hồng Minh**